

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GUIDELINE FOR PROGRAMME DELIVERY
Ngành/Major: Khoa học dữ liệu/Data Science

1. Danh mục môn học tương đương – thay thế

STT No.	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình mới/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
Danh mục môn học tương đương						
1	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	3	Triết học Mác - Lênin	POLI03010	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI02010	2
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI02020	2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI02030	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI02040	2
6	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO03010	3
7	Quản trị học	BADM1301	3	Quản trị học	BUAD03030	3
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	EDUC1310	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DASC03020	3
9	Pháp luật đại cương	GLAW1315	3	Pháp luật đại cương	GLAW03220	3
10	Đại số tuyến tính	MATH1313	3	Đại số tuyến tính	MATH03010	3
11	Giải tích	MATH1314	3	Giải tích	MATH03020	3
12	Xác suất và thống kê	MATH1315	3	Xác suất và thống kê	MATH03030	3
13	Nhập môn tin học cho Khoa học dữ liệu	DATS1301	3	Nhập môn tin học cho Khoa học dữ liệu	DASC03030	3
14	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1311	3	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN03060	3
15	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1312	3	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN03070	3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT No.	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình mới/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
16	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1313	3	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN03080	3
17	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1314	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN03090	3
18	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1315	3	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN03100	3
19	Toán rời rạc	MATH2402	4	Toán rời rạc	COSC04030	4
20	Đại số tuyến tính nâng cao	DATS2302	3	Đại số tuyến tính nâng cao	DASC03040	3
21	Giải tích nâng cao	DATS2401	4	Giải tích nâng cao	DASC04010	4
22	Xác suất thống kê nâng cao	DATS2303	3	Xác suất và Thống kê nâng cao	DASC03050	3
23	Cơ sở lập trình	ITEC1505	4	Cơ sở lập trình	COSC04010	4
24	Cơ sở dữ liệu	ITEC2502	4	Cơ sở dữ liệu	COSC04060	4
25	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	DATS2402	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	COSC04040	4
26	Lập trình hướng đối tượng	DATS2403	4	Lập trình hướng đối tượng	COSC04050	4
27	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	ITEC4402	3	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	COSC03050	3
28	Thực quan hóa dữ liệu	DATS2304	3	Thực quan hóa dữ liệu	DASC03060	3
29	Phương pháp số trong Khoa học dữ liệu	DATS2305	3	Phương pháp số trong Khoa học dữ liệu	DASC03070	3
30	Các thuật toán tối ưu	DATS2306	3	Các thuật toán tối ưu	DASC03080	3
31	Máy học	DATS2404	4	Máy học	COSC03290	3
32	Trí tuệ nhân tạo	DATS2307	3	Trí tuệ nhân tạo	COSC03070	3
33	Thống kê tính toán	DATS2308	3	Thống kê tính toán	DASC03090	3
34	Xử lý số liệu thống kê	DATS2309	3	Xử lý số liệu thống kê	DASC03100	3
35	Xử lý đa biến	DATS2405	4	Xử lý đa biến	DASC03110	3
36	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	DATS2310	3	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	ARIN03030	3
37	Khai phá dữ liệu	ITEC3417	3	Khai phá dữ liệu	COSC03150	3
38	Thiết kế thí nghiệm	DATS2311	3	Thiết kế thí nghiệm	DASC03130	3
39	Thống kê Bayes	DATS2312	3	Thống kê Bayes	DASC03140	3

STT No.	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình mới/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
40	Tính toán song song	DATS2314	3	Tính toán song song	DASC03150	3
41	An toàn bảo mật thông tin	DATS2315	3	An toàn bảo mật thông tin	DASC03160	3
42	Phân tích dữ liệu	ITEC2303	3	Phân tích dữ liệu	MAIS03030	3
43	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	MISY3302	3	Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp	MAIS03020	3
44	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	Quản trị nhân lực	HURM03020	3
45	Marketing căn bản	BADM2301	3	Marketing căn bản	MARK03010	3
46	Thương mại điện tử	BADM1373	3	Thương mại điện tử	INBU03090	3
47	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA3318	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FIBA03110	3
48	Quản lý môi trường	BIOT3216	2	Quản lý môi trường	BIOT02140	2
49	Phát triển sản phẩm công nghệ sinh học	BIOT4242	2	Phát triển sản phẩm công nghệ sinh học	BIOT03400	3
50	Khởi nghiệp	BADM2315	3	Khởi nghiệp	BUAD03050	3
51	Thực tập tốt nghiệp	DATS4899	4	Thực tập tốt nghiệp	DASC04040	4
52	Khóa luận tốt nghiệp	DATS4699	6	Khóa luận tốt nghiệp	DASC06010	6
53	Máy học thống kê	DATS2316	3	Máy học thống kê	DASC03170	3
54	Thống kê phi tham số	DATS2313	3	Thống kê phi tham số	DASC03180	3

Danh mục môn học thay thế

1	Toán tài chính	MATH1320	3	Khoa học dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính	DASC03010	3
---	----------------	----------	---	---	-----------	---

Danh mục môn học không còn trong CTĐT, sinh viên trả nợ cùng khoa khác

1	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	Kinh tế học đại cương	ECON03320	3
2	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW03020	3

Sinh viên học các môn học tương đương thay thế cần đảm bảo học đúng theo danh mục, không trùng với môn đã học và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình.

K

2. Những lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo/Remarks for programme delivery

a) Chuẩn đầu vào – Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ không chuyên

Chuẩn đầu vào:

- Chuẩn đầu vào tiếng Anh của Trường là bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Trường tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh cho tân sinh viên để xếp lớp tiếng Anh phù hợp với năng lực.
- Sinh viên không đạt năng lực tiếng Anh đầu vào phải theo học trình độ tiếng Anh được xếp lớp theo trình độ Tiếng Anh căn bản 1, 2, 3, 4, 5 (Không tính vào chương trình đào tạo).

Chuẩn đầu ra:

- Có kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả (Ngoại ngữ đạt Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

b) Chuẩn đầu ra Tin học không chuyên

- Đào tạo phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho đối tượng là người học trong cơ sở giáo dục đại học theo Khung năng lực số cho người học ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số).
- Người học hoàn thành chương trình đào tạo đạt được năng lực số bậc 5 đến bậc 6 theo Khung năng lực số.
- Chương trình đào tạo giúp cho người học tự học để có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

c) Tính liên thông/Transferability

Chương trình đào tạo trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể tiếp tục theo học ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

Các môn học có tính liên thông giữa các chương trình đào tạo có thể kể đến như: Các môn học thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị, Tiếng Anh, bổ trợ, Pháp luật đại cương...

d) Xây dựng đề cương chi tiết các môn học/Course design

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý như sau:

TK

- Về việc triển khai chi tiết các môn học, đảm bảo tính logic trong việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, có quy định các môn học trước, môn học tiên quyết.

- Về nội dung kiến thức có hai phần: phần bắt buộc và phần tự chọn. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học, có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Về phần kiến thức tự chọn, sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ tích lũy tối thiểu. Phần kiến thức tự chọn hằng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học, do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên vận dụng được kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

Về tài liệu học tập, tất cả các môn học đều có giáo trình/tài liệu học tập/tài liệu tham khảo/tập bài giảng/tài liệu hướng dẫn. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

3. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ môn học, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

a) Tốt nghiệp với Khoá luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm Thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

TK

b) Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khoá luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course

Sinh viên học 2 môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp theo nội dung Chương trình đào tạo là môn Máy học thống kê và Thống kê phi tham số.

JK

